

CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



**CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 09 - DN)	9

**CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG**

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư** Số 1065152523 ngày 12 tháng 10 năm 2016

Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên số 322043000226 được cấp bởi Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Đà Nẵng. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1065152523 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 10 năm 2016 thay thế Giấy chứng nhận đầu tư, có thời hạn là 34 năm kể từ ngày 5 tháng 4 năm 2012.

**Giấy chứng nhận đăng ký  
doanh nghiệp**

Số 0401487912 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 5 tháng 4 năm 2012 và lần thay đổi gần nhất ngày 10 tháng 11 năm 2016.

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Phan Văn Dũng                      Tổng Giám đốc

**Trụ sở chính**

Lô K, Đường số 6, khu công nghiệp Liên Chiểu  
Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát CROWN Đà Nẵng ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tuân thủ theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC được trình bày trong Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc của Công ty được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Báo cáo tài chính này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC được trình bày trong Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này kết hợp với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có thêm thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và những thay đổi về tình hình tài chính của Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty.



Phan Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

TP. Đà Nẵng, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 26 tháng 3 năm 2018



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo của Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát CROWN Đà Nẵng (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 26 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014-TT-BTC được trình bày tại Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 200/2014-TT-BTC được nêu tại Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

### Chính sách kế toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam mô tả chính sách kế toán. Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 200/2014-TT-BTC. Vì thế, báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

### Vấn đề khác

Tổng Giám đốc Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính riêng bằng Đô la Mỹ cho cùng năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng này vào ngày 26 tháng 3 năm 2018.



**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**

Phạm Thị Xuân Mai  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1771-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6737  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018



Võ Thái Trung  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3922-2017-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>596.755.669.200</b>	<b>475.215.950.400</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.837.848.900	17.705.332.480
111	Tiền		34.837.848.900	17.705.332.480
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>336.834.676.400</b>	<b>349.101.479.040</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	325.840.907.500	172.814.227.200
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	479.764.500	160.332.949.760
136	Phải thu ngắn hạn khác		10.514.004.400	15.954.302.080
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	6	<b>222.335.649.400</b>	<b>108.123.275.840</b>
141	Hàng tồn kho		222.335.649.400	108.123.275.840
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.747.494.500</b>	<b>285.863.040</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		314.190.700	285.863.040
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.433.303.800	-
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.214.025.668.900</b>	<b>686.898.690.240</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>1.083.234.193.600</b>	<b>628.131.183.680</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	7	1.082.651.870.500	627.439.064.320
222	Nguyên giá		1.273.509.316.400	771.630.703.680
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(190.857.445.900)	(144.191.639.360)
227	Tài sản cố định vô hình		582.323.100	692.119.360
228	Nguyên giá		1.091.847.300	1.092.809.280
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(509.524.200)	(400.689.920)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>73.017.274.000</b>	<b>14.781.177.600</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	73.017.274.000	14.781.177.600
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>57.774.201.300</b>	<b>43.986.328.960</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	47.711.563.700	36.432.042.560
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	10.062.637.600	7.554.286.400
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.810.781.338.100</b>	<b>1.162.114.640.640</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>992.753.786.900</b>	<b>517.076.846.080</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>674.953.786.900</b>	<b>517.076.846.080</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	10	408.694.749.800	242.110.795.200
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	11	21.639.932.700	33.376.157.120
314	Phải trả người lao động		6.282.247.700	4.184.160.640
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	12	72.577.824.700	51.123.771.520
319	Phải trả ngắn hạn khác		6.859.032.000	9.065.961.600
320	Vay ngắn hạn	13(a)	158.900.000.000	177.216.000.000
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>317.800.000.000</b>	-
338	Vay dài hạn	13(b)	317.800.000.000	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>818.027.551.200</b>	<b>645.037.794.560</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>818.027.551.200</b>	<b>645.037.794.560</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15, 16	249.980.196.000	249.980.196.000
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	16	32.582.134.783	33.234.052.531
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	16	535.465.220.417	361.823.546.029
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		361.823.546.029	166.052.802.453
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		173.641.674.388	195.770.743.576
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.810.781.338.100</b>	<b>1.162.114.640.640</b>



Võ Ý Nhi  
Người lập

Trần Cao Phương  
Giám đốc Tài chính



Phan Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng	1.517.922.820.349	1.323.783.507.676
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(13.971.557.379)	(17.607.132.472)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	1.503.951.262.970	1.306.176.375.204
11	Giá vốn hàng bán	(1.202.043.174.956)	(980.949.962.692)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	301.908.088.014	325.226.412.512
21	Doanh thu hoạt động tài chính	11.691.713.644	10.008.918.744
22	Chi phí tài chính	(17.011.129.486)	(23.254.489.752)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(11.356.453.862)	(11.628.497.260)
25	Chi phí bán hàng	(30.496.716.887)	(22.401.079.512)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(44.502.431.610)	(43.204.318.316)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	221.589.523.675	246.375.443.676
31	Thu nhập khác	1.102.391.940	274.048.456
32	Chi phí khác	(5.422.501.071)	(1.973.824.276)
40	Lỗ khác	(4.320.109.131)	(1.699.775.820)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	217.269.414.544	244.675.667.856
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(46.143.959.979)	(51.470.522.360)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	2.516.219.823	2.565.598.080
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	173.641.674.388	195.770.743.576



Võ Ý Nhi  
Người lập

Trần Cao Phương  
Giám đốc Tài chính

Phan Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>217.269.414.544</b>	<b>244.675.667.856</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ	46.924.650.604	38.025.621.020
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(292.222.437)	(174.707.568)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(111.352.033)	(298.984.316)
06	Chi phí lãi vay	11.356.453.862	11.628.497.260
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>275.146.944.540</b>	<b>293.856.094.252</b>
09	Tăng/(giảm) các khoản phải thu	9.810.107.294	(186.030.953.208)
10	Tăng hàng tồn kho	(114.362.966.536)	(3.949.504.764)
11	Tăng các khoản phải trả	185.612.869.598	205.984.069.280
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	(11.345.666.137)	1.645.207.660
14	Tiền lãi vay đã trả	(9.286.141.813)	(11.583.523.256)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(57.254.839.798)	(36.406.691.060)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>278.320.307.148</b>	<b>263.514.698.904</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm TSCĐ	(561.078.729.783)	(17.954.266.480)
27	Thu lãi tiền gửi	111.352.033	298.984.316
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(560.967.377.750)</b>	<b>(17.655.282.164)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ các khoản vay	476.931.000.000	33.546.000.000
34	Chi trả nợ gốc vay	(177.145.800.000)	(286.818.300.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>299.785.200.000</b>	<b>(253.272.300.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>17.138.129.398</b>	<b>(7.412.883.260)</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>17.705.332.480</b>	<b>24.760.935.650</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	18.282.355	174.707.568
62	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái khi áp dụng Thông tư 200/2014-TT-BTC	(23.895.333)	182.572.522
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>34.837.848.900</b>	<b>17.705.332.480</b>

\_\_\_\_\_  
Võ Ý Nhi  
Người lập

\_\_\_\_\_  
Trần Cao Phương  
Giám đốc Tài chính



\_\_\_\_\_  
Phan Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát CROWN Đà Nẵng (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 322043000226 ngày 5 tháng 4 năm 2012, do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Đà Nẵng cấp có thời hạn là 34 năm kể từ ngày của Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Công ty là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được sở hữu toàn bộ bởi Công ty CROWN Packaging Investment Private Limited, một công ty thành lập tại Singapore.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất lon nhôm để xuất khẩu và bán tại Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 147 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 93 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính chuyên đổi sang Đồng Việt Nam**

Báo cáo tài chính chuyên đổi sang Đồng Việt Nam đã được lập theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyên đổi sang Đồng Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), báo cáo tài chính lập bằng Đô la Mỹ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được quy đổi sang Đồng Việt Nam cho mục đích công bố ra công chúng và nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo nguyên tắc như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo.
- Vốn chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn.
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân do tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%).
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” – Mã số 417 thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này kết hợp với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có thêm thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và những thay đổi về tình hình tài chính của Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty.

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đô la Mỹ. Đơn vị tiền tệ được trình bày trên báo cáo tài chính chuyển đổi là Đồng Việt Nam. Nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam được trình bày tại thuyết minh 2.1.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua hoặc tỷ giá bán hoặc tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.7 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hay dựa theo thời hạn của Giấy chứng nhận Đầu tư nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

	Năm
Nhà xưởng	30 - 33,5
Máy móc thiết bị	15,5 - 18
Phương tiện vận tải	5
Thiết bị quản lý	3 - 5
Phần mềm	10

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.8 Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, phí đào tạo, chi phí chuyển dịch địa điểm và chi phí quảng cáo. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ trong vòng 3 năm từ khi bắt đầu hoạt động.

### **2.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **2.10 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### **2.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **2.12 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **2.13 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.14 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.15 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.16 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.17 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.18 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, chủ yếu bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí nhân viên.

**2.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm phí tư vấn, phí bản quyền và chi phí nhân viên.

**2.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.21 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG**

Mẫu số B 09 – DN

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	63.605.400	173.694.400
Tiền gửi ngân hàng	34.774.243.500	17.531.638.080
	<u>34.837.848.900</u>	<u>17.705.332.480</u>

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bên thứ ba (*)	240.239.366.400	110.992.539.200
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	85.601.541.100	61.821.688.000
	<u>325.840.907.500</u>	<u>172.814.227.200</u>

(\*) Các khoản phải thu ngắn hạn đến từ bên thứ ba chủ yếu là:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam	194.922.085.200	95.937.767.360
Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG	18.347.025.300	11.358.591.360

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào bị quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.



**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba (*)	479.764.500	150.733.749.760
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	-	9.599.200.000
	<u>479.764.500</u>	<u>160.332.949.760</u>

(\*) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn đến từ bên thứ ba chủ yếu là:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
CarnaudMetalbox Engineering	-	46.459.764.480
Xetera Conveyance Limited	-	20.184.402.560
Rosario Can Technology	-	17.297.008.640
Schuler Pressen GmbH	-	16.005.263.040
	<u>-</u>	<u>100.000.000</u>

**6 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	48.245.603.900	19.340.059.200
Nguyên vật liệu tồn kho	93.358.607.800	40.571.194.880
Công cụ, dụng cụ trong kho	22.779.154.900	27.030.188.480
Thành phẩm tồn kho	6.524.161.600	7.637.464.320
Hàng hóa	46.200.946.800	11.507.452.800
Hàng kí gửi	5.227.174.400	2.036.916.160
	<u>222.335.649.400</u>	<u>108.123.275.840</u>

**CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG**

Mẫu số B 09 – DN

**7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	181.027.916.160	578.112.990.080	8.695.307.520	3.794.489.920	771.630.703.680
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 8)	559.101.000	501.998.764.100			502.557.865.100
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do áp dụng Thông tư 200	(159.355.560)	(508.902.280)	(7.654.320)	(3.340.220)	(679.252.380)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	181.427.661.600	1.079.602.851.900	8.687.653.200	3.791.149.700	1.273.509.316.400
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	19.685.425.920	115.665.407.040	6.153.325.760	2.687.480.640	144.191.639.360
Khấu hao trong năm	5.407.602.655	39.153.832.133	1.424.479.342	829.496.564	46.815.410.694
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do áp dụng Thông tư 200	(19.947.875)	(120.782.173)	(6.106.602)	(2.767.504)	(149.604.154)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	25.073.080.700	154.698.457.000	7.571.698.500	3.514.209.700	190.857.445.900
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	161.342.490.240	462.447.583.040	2.541.981.760	1.107.009.280	627.439.064.320
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	156.354.580.900	924.904.394.900	1.115.954.700	276.940.000	1.082.651.870.500

Công ty không có tài sản cố định đã khấu hao hết tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.



**CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG**

Mẫu số B 09 – DN

**8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Mua sắm máy móc	73.017.274.000	14.781.177.600
Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:		
	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Số dư đầu năm	14.781.177.600	233.726.950
Mua trong năm	560.806.973.100	18.240.070.400
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 7)	(502.557.865.100)	(3.695.430.720)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi áp dụng Thông tư 200	(13.011.600)	2.810.970
Số dư cuối năm	73.017.274.000	14.781.177.600

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Trả trước tiền thuê đất (*)	22.906.343.000	23.721.679.360
Trả trước cho pa lét và khung (**)	18.406.181.500	12.150.065.280
Trả trước dài hạn khác	6.399.039.200	560.297.920
	47.711.563.700	36.432.042.560

(\*) Hợp đồng thuê đất số 02/2012/HD-TLD/SDN giữa Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát CROWN Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng có hiệu lực trong khoảng thời gian là 34,5 năm.

(\*\*) Số dư bao gồm chi phí pa lét và khung, có thời hạn sử dụng trên 1 năm. Chi phí khấu hao được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Số dư đầu năm	36.432.042.560	37.583.769.500
Tăng	27.456.104.000	5.309.391.360
Phân bổ trong năm	(16.144.512.400)	(6.913.128.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi áp dụng Thông tư 200	(32.070.460)	452.009.700
Số dư cuối năm	47.711.563.700	36.432.042.560

**CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG**

Mẫu số B 09 – DN

**10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bên thứ ba (*)	95.768.871.100	17.879.890.240
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	312.925.878.700	224.230.904.960
	<u>408.694.749.800</u>	<u>242.110.795.200</u>

(\*) Phải trả người bán ngắn hạn đến từ bên thứ ba chủ yếu bao gồm:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Novelis Korea Limited	7.741.085.900	4.640.673.600
Ma'aden Rolling Company	67.997.055.500	-
	<u>75.738.141.400</u>	<u>4.640.673.600</u>

**11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.183.922.700	28.934.669.760
Thuế GTGT hàng bán	2.828.874.000	3.340.362.560
Thuế thu nhập cá nhân	667.107.600	621.164.800
Thuế nhà thầu nước ngoài	960.028.400	479.960.000
	<u>21.639.932.700</u>	<u>33.376.157.120</u>



**CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG**

Mẫu số B 09 – DN

**11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**

Biến động về thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày		Số phải nộp		Số cán trừ		Số đã thực nộp		Chênh lệch tỷ giá		Tại ngày
	1.1.2017	VND	trong năm	VND	trong năm	VND	trong năm	VND	Thông tư 200	VND	
											VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.934.669.760		46.143.959.979		-		(57.874.918.231)		(19.788.808)		17.183.922.700
Thuế GTGT hàng bán	3.340.362.560		153.270.581.600		(139.373.119.500)		(14.406.010.200)		(2.940.460)		2.828.874.000
Thuế thu nhập cá nhân	621.164.800		1.536.199.800		-		(1.489.710.200)		(546.800)		667.107.600
Thuế nhà thầu nước ngoài	479.960.000		2.741.183.900		-		(2.260.693.000)		(422.500)		960.028.400
	<u>33.376.157.120</u>		<u>203.691.925.279</u>		<u>(139.373.119.500)</u>		<u>(76.031.331.631)</u>		<u>(23.698.568)</u>		<u>21.639.932.700</u>

**CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG**

Mẫu số B 09 – DN

**12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	2017 VND	2016 VND
Giảm giá hàng bán	31.329.881.700	23.131.163.840
Chi phí hàng lỗi	18.983.306.300	14.640.222.720
Chi tiền thưởng	3.937.700.900	3.464.118.400
Chi phí phải trả khác	18.326.935.800	9.888.266.560
	<u>72.577.824.700</u>	<u>51.123.771.520</u>

**13 CÁC KHOẢN VAY**

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá khi áp dụng Thông tư 200 VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
<b>(a) Vay ngắn hạn</b>					
Vay dài hạn đến hạn trả	177.216.000.000	158.900.000.000	(177.060.000.000)	(156.000.000)	158.900.000.000
<b>(b) Vay dài hạn</b>					
Bên liên quan (*)	-	476.700.000.000	(158.900.000.000)	-	317.800.000.000

(\*) Số dư thể hiện các khoản giải ngân từ hạn mức tín dụng dài hạn 21 triệu Đô la Mỹ từ CROWN European Holdings SA. Khoản vay này chịu lãi suất LIBOR cộng 3% hằng năm. Khoản vay sẽ được hoàn trả 7 triệu Đô la Mỹ hằng năm trong vòng 3 năm, bắt đầu từ năm 2018.



**14 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	10.062.637.600	7.554.286.400

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu đến từ các chi phí trích trước. Biến động gộp về thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	7.554.286.400	4.889.048.750
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	2.516.219.823	2.565.598.080
Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi áp dụng Thông tư 200	(7.868.623)	99.639.570
Số dư cuối năm	10.062.637.600	7.554.286.400

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ được ghi nhận dựa trên khả năng thu được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

**15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn điều lệ</b> <b>VND</b>	<b>%</b>	<b>Vốn đã góp</b> <b>VND</b>
CROWN Packaging Investment Private Limited	249.980.196.000	100	249.980.196.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gần đây nhất, vốn điều lệ của Công ty là 12.000.000 Đô la Mỹ đã góp đủ. Vốn đầu tư của dự án là 75.000.000 Đô la Mỹ.

CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG

Mẫu số B 09 – DN

16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	249.980.196.000	24.815.720.847	166.052.802.453	440.848.719.300
Lợi nhuận trong năm	-	-	195.770.743.576	195.770.743.576
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi áp dụng Thông tư 200	-	8.418.331.684	-	8.418.331.684
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	249.980.196.000	33.234.052.531	361.823.546.029	645.037.794.560
Lợi nhuận trong năm	-	-	173.641.674.388	173.641.674.388
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi áp dụng Thông tư 200	-	(651.917.748)	-	(651.917.748)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	249.980.196.000	32.582.134.783	535.465.220.417	818.027.551.200



**17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số tiền tệ khác Đô la Mỹ là 32.819.588.593 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17.435.388.076 đồng).

**18 DOANH THU THUẦN**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	1.517.922.820.349	1.323.783.507.676
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(11.223.321.980)	(13.140.080.020)
Giảm giá hàng bán	(1.914.696.277)	(4.460.723.440)
Hàng bán bị trả lại	(833.539.122)	(6.329.012)
	<u>(13.971.557.379)</u>	<u>(17.607.132.472)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>		
Doanh thu thuần về bán hàng	<u>1.503.951.262.970</u>	<u>1.306.176.375.204</u>

**19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	1.072.693.242.231	871.271.293.328
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.924.650.604	38.025.598.656
Chi phí nhân công	30.554.107.584	25.004.517.480
Chi phí khác	51.871.174.537	46.648.553.228
	<u>1.202.043.174.956</u>	<u>980.949.962.692</u>

**20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lãi tiền gửi	111.352.033	298.984.316
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	11.288.139.174	9.535.226.860
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	292.222.437	174.707.568
	<u>11.691.713.644</u>	<u>10.008.918.744</u>

**CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐÀ NẴNG**

Mẫu số B 09 – DN

**21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	11.356.453.862	11.628.497.260
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.654.675.624	11.625.992.492
	<u>17.011.129.486</u>	<u>23.254.489.752</u>

**22 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí vận chuyển	28.769.976.846	20.608.045.812
Chi phí nhân viên	938.713.763	826.908.900
Chi phí khác	788.026.278	966.124.800
	<u>30.496.716.887</u>	<u>22.401.079.512</u>

**23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Phí tư vấn	28.745.994.030	28.052.730.680
Phí bản quyền	11.088.236.952	10.819.501.924
Chi phí nhân viên	3.012.387.040	2.847.854.124
Phí ngân hàng	531.005.891	474.810.084
Chi phí khác	1.124.807.697	1.009.421.504
	<u>44.502.431.610</u>	<u>43.204.318.316</u>



**24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	217.269.414.544	244.675.667.856
Thuế tính ở thuế suất 20%	43.453.887.451	48.935.093.316
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	173.852.705	34.462.924
Dự phòng thừa của năm trước	-	(64.631.960)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>43.627.740.156</u>	<u>48.904.924.280</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	46.143.959.979	51.470.522.360
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 14)	(2.516.219.823)	(2.565.598.080)
	<u>43.627.740.156</u>	<u>48.904.924.280</u>

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**25 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	631.061.790.554	557.122.463.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.631.451.677	314.148.830.028
Chi phí nhân công	63.251.202.417	56.732.011.184
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.924.650.604	38.025.598.656
Các chi phí khác bằng tiền	94.173.250.912	80.526.457.352
	<u>1.277.042.346.164</u>	<u>1.046.555.360.520</u>

## 26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được sở hữu toàn bộ và kiểm soát bởi CROWN Packaging Investment Pte. Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore. Công ty mẹ tối hậu là Crown Holdings, Inc., một công ty được thành lập tại Hoa Kỳ. Các công ty con cùng tập đoàn liên quan đến các công ty thành viên của Crown Holdings, Inc.

(a) **Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2017 VND	2016 VND
<b>i) Doanh thu bán hàng</b>		
Công ty LD TNHH Crown Sài Gòn	410.009.427.451	244.134.369.600
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát CROWN Đồng Nai	20.655.699.922	13.597.312
Công ty LD TNHH Crown Hà Nội	13.518.109.553	11.011.027.220
	<u>444.183.236.926</u>	<u>255.158.994.132</u>
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty LD TNHH Crown Sài Gòn	109.346.719.833	131.444.588.912
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát CROWN Đồng Nai	111.817.699.344	136.788.019.432
Công ty LD TNHH Crown Hà Nội	3.230.458.062	6.471.135.220
CROWN Beverage Cans Cambodia Ltd.	218.659.441.299	50.108.420.576
CROWN Beverage Cans Malaysia Sdn. Bhd.	60.177.268.567	-
P.T CROWN Beverage Cans Indonesia	109.943.951	-
CROWN Asia Pacific Holding Pte. Ltd.	504.309.723.697	270.905.575.988
CROWN Beverage Cans Singapore Pte Ltd.	-	6.900.680.568
	<u>1.007.651.254.753</u>	<u>602.618.420.696</u>
<b>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>2.262.310.843</u>	<u>2.117.199.880</u>



## 26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
<b>iv) Các khoản vay</b>		
Các giao dịch sau đây được thực hiện với CROWN European Holdings SA:		
Lãi vay	11.457.666.100	11.628.497.260
Nhận các khoản vay	476.700.000.000	-
Trả nợ gốc vay	177.060.000.000	291.384.000.000
	<u>665.217.666.100</u>	<u>303.197.604.800</u>

## v) Giao dịch với các bên liên quan khác

Phí bản quyền trả cho CROWN Packaging Technology Inc.	11.088.236.952	10.819.501.924
Phí tư vấn trả cho CROWN Asia Pacific Holdings Pte. Ltd.	28.745.994.030	28.052.730.680
Chi phí khác trả cho các công ty thành viên cùng tập đoàn	17.016.148.617	195.685.000
Chi phí khác trả hộ cho các công ty thành viên cùng tập đoàn	4.769.310	-
Chia lãi/(lỗ) từ cam kết mua nhôm với các công ty thành viên cùng tập đoàn	12.548.531.541	(12.515.833.688)
	<u>12.548.531.541</u>	<u>(12.515.833.688)</u>

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2017 VND	2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Công ty LD TNHH Crown Sài Gòn	85.601.541.100	61.821.688.000
	<u>85.601.541.100</u>	<u>61.821.688.000</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 5)</b>		
CROWN Packaging Technology, Inc.	-	9.599.200.000
	<u>-</u>	<u>9.599.200.000</u>

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2017 VND	2016 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10)</b>		
CROWN Asia Pacific Holdings Pte. Ltd.	249.121.944.500	156.381.669.120
Công ty LD TNHH Crown Hà Nội	16.457.500	3.410.022.080
Công ty LD TNHH Crown Sài Gòn	19.803.275.700	31.700.329.920
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát CROWN Đồng Nai	8.741.724.600	19.523.818.560
CROWN Beverage cans (Cambodia) Limited	12.769.272.100	3.170.871.360
CROWN Beverage Cans Malaysia Sdn. Bhd.	16.596.605.600	-
CROWN Packaging Technology, Inc.	3.654.949.700	2.988.020.800
CROWN European Holdings SA	2.221.649.000	45.689.920
CROWN Beverage Cans Singapore Pte Ltd.	-	7.010.483.200
	312.925.878.700	224.230.904.960

27 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2017 VND	2016 VND
Máy móc thiết bị	-	275.469.253.440

Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Võ Ý Nhi  
Người lập

Trần Cao Phương  
Giám đốc Tài chính

Phan Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

